



tiramisu  
tí lā mǐ sū



marshmallow  
miánhuā táng



candy  
táng guǒ



lollipop  
bàng táng



water chestnut cake  
mǎtí gāo



sesame paste  
zhīma hú



donut  
yóu bǐng



popsicle  
bīng gùn



sundae  
shèng dài



toffee  
tài fēi táng



gummy candies  
xiàngpí táng



pudding  
bù dīng



gingerbread  
jiāng bǐng



ice cream  
xuě gāo



cookies  
yán pí bǐng



slushie  
bīng shā

棒棒糖

棒棒糖

LittleNex.com

糖果

糖果

LittleNex.com

棉花糖

棉花糖

LittleNex.com

提拉米苏

提拉米苏

LittleNex.com

冰棍

冰棍

LittleNex.com

油饼

油饼

LittleNex.com

芝麻糊

芝麻糊

LittleNex.com

马蹄糕

马蹄糕

LittleNex.com

布丁

布丁

LittleNex.com

橡皮糖

橡皮糖

LittleNex.com

太妃糖

太妃糖

LittleNex.com

圣代

圣代

LittleNex.com

冰沙

冰沙

LittleNex.com

岩皮饼

岩皮饼

LittleNex.com

雪糕

雪糕

LittleNex.com

姜饼

姜饼

LittleNex.com